

hướng dẫn thực hiện việc tiếp nhận, truyền phát và xử lý thông tin an ninh hàng hải của tàu biển, công ty tàu biển, doanh nghiệp cảng biển và các cơ quan liên quan, có ghi:

- "(According to Guidance No..../2004/TT-BGTVT dated....2004";

- Tại mục số 12: "Nếu câu trả lời là "Có" thì nêu chi tiết tại các câu hỏi 12, 13 - If answer is 'Yes', give details in Q12 and Q13";

- Tại mục số 18: "Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển được đề cập tại câu hỏi 15 trên đây...-...during any ship/port interface at the ports mentioned in Q15";

- Mục số 19: "... during any ship-to-ship activity interface at the ports mentioned in Q15";

Nay xin bổ sung và sửa lại là:

- (According to Guidance No. 25/2004/TT-BGTVT dated October 13, 2004";

- Tại mục số 12: "Nếu câu trả lời là "Có" thì điền chi tiết theo câu hỏi tại các mục số: 13, 14, 15 - If answer is 'Yes', give details in Q13, Q14 and Q15";

- Tại mục số 18: "Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển được đề cập theo câu hỏi tại Mục số 17 trên đây ...-... during any ship/port interface at the ports mentioned in Q17";

- Mục số 19: "Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển được đề cập theo câu hỏi tại Mục số 17 trên đây ...-... during any ship-to-ship

activity interface at the ports mentioned in Q17".

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG  
VẬN TẢI

*Chánh Văn phòng*

**Nguyễn Văn Công**

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải số 20/2004/  
QĐ-BGTVT ngày 28/10/2004 về  
giấy tờ của hành khách sử dụng  
khi đi tàu bay dân dụng.**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO  
THÔNG VẬN TẢI

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng  
Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991 và  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Luật Hàng không dân dụng Việt Nam  
ngày 20 tháng 4 năm 1995;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP  
ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính  
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,  
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao  
thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2000/NĐ-CP  
ngày 03 tháng 5 năm 2000 của Chính  
phủ ban hành Quy chế bảo đảm an ninh  
hàng không dân dụng;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2004/QĐ-*

09638062



*BGTVT ngày 19 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định giấy tờ của hành khách sử dụng khi đi tàu bay dân dụng (sau đây gọi chung là tàu bay) trên chuyến bay nội địa trong lãnh thổ Việt Nam, chuyến bay quốc tế xuất phát từ lãnh thổ Việt Nam; trách nhiệm và quyền hạn của các hãng hàng không Việt Nam, đại lý bán vé máy bay của các hãng hàng không Việt Nam trong nước và ngoài nước, đại lý bán vé máy bay của các hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam và các cảng hàng không, sân bay của Việt Nam đối với việc kiểm tra giấy tờ của hành khách khi đi tàu bay.

**Điều 2.** Giấy tờ của hành khách phải xuất trình khi đi tàu bay

1. Hành khách khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay quốc tế xuất phát từ lãnh thổ Việt Nam phải xuất trình Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành hoặc giấy tờ khác có giá trị xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là Hộ chiếu); trường hợp trẻ em không có hộ chiếu riêng thì họ tên, ngày tháng năm sinh và ảnh của trẻ em

được ghi và dán vào giấy tờ của người đại diện theo pháp luật, bao gồm: cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi hoặc người giám hộ.

2. Hành khách, trừ hành khách quy định tại khoản 3 Điều này, khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay nội địa phải xuất trình:

a) Đối với hành khách mang quốc tịch nước ngoài: Hộ chiếu;

b) Đối với hành khách mang quốc tịch Việt Nam: phải xuất trình một trong các loại giấy tờ sau:

i) Hộ chiếu;

ii) Giấy chứng minh nhân dân; trường hợp mất Giấy chứng minh nhân dân thì phải có Giấy chứng nhận nhân thân có xác nhận của Công an phường, xã nơi cư trú;

iii) Giấy chứng minh, chứng nhận của các lực lượng vũ trang;

iv) Thẻ đại biểu Quốc hội;

v) Thẻ Đảng viên;

vi) Thẻ nhà báo;

vii) Giấy phép lái xe ô tô, mô tô;

viii) Thẻ kiểm soát an ninh hàng không;

ix) Thẻ nhận dạng của các hãng hàng không Việt Nam.

3. Hành khách là trẻ em khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay nội địa phải tuân theo quy định sau:

a) Đối với trẻ em dưới 14 tuổi phải có



giấy khai sinh. Trường hợp trẻ em dưới một tháng tuổi chưa có giấy khai sinh thì phải có giấy chứng sinh.

b) Đối với trẻ em được các tổ chức xã hội đưa về nuôi dưỡng phải có giấy xác nhận của tổ chức xã hội đó. Giấy xác nhận có giá trị sử dụng trong thời gian 6 tháng kể từ ngày xác nhận.

c) Đối với trẻ em dưới 14 tuổi đi tàu bay một mình trên các chuyến bay nội địa, ngoài giấy tờ quy định tại các điểm a, điểm b khoản 3 Điều này còn phải có giấy cam kết của người đại diện theo pháp luật.

4. Đối với hành khách là phạm nhân, bị can, bị cáo đang bị di lý, dẫn độ, trục xuất khi làm thủ tục đi tàu bay, ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này (đối với chuyến bay quốc tế), khoản 2 Điều này (đối với chuyến bay nội địa) còn phải có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Giấy tờ của hành khách sử dụng khi đi tàu bay quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Còn giá trị sử dụng;

b) Có ảnh đóng dấu giáp lai, trừ giấy khai sinh, giấy chứng sinh của trẻ em.

**Điều 3.** Trách nhiệm của hãng hàng không Việt Nam và đại lý bán vé máy bay.

1. Các hãng hàng không Việt Nam và đại lý bán vé máy bay của các hãng hàng không Việt Nam trong nước và ngoài nước, đại lý bán vé máy bay của các

hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là đại lý bán vé máy bay) phải niêm yết công khai các quy định tại Điều 2 và Điều 5 của Quyết định này ở các điểm bán vé máy bay và làm thủ tục vận chuyển hành khách bằng đường hàng không.

2. Khi xuất vé máy bay cho hành khách, nhân viên bán vé của các hãng hàng không Việt Nam hoặc đại lý bán vé máy bay có trách nhiệm:

a) Ghi đầy đủ họ, tên và tên đệm của hành khách trên vé máy bay đúng với họ, tên và tên đệm của hành khách trên giấy tờ sử dụng để đi tàu bay. Trong trường hợp họ, tên và tên đệm của hành khách quá dài, phải ghi trên vé đủ họ và tên, riêng tên đệm của hành khách có thể viết tắt;

b) Thông báo cho hành khách biết về các loại giấy tờ sử dụng khi đi tàu bay.

3. Nhân viên làm thủ tục vận chuyển hành khách bằng đường hàng không có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu giấy tờ của hành khách trùng khớp với vé máy bay trước khi cấp thẻ lên tàu bay.

**Điều 4.** Trách nhiệm của lực lượng an ninh cảng hàng không, sân bay.

Lực lượng an ninh của cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu giấy tờ của hành khách trùng khớp với vé máy bay, thẻ lên tàu bay trước khi cho hành khách vào phòng cách ly để lên tàu bay.

**Điều 5.** Xử lý vi phạm

1. Hành khách sử dụng giấy tờ giả mạo



sẽ bị từ chối làm thủ tục để đi tàu bay; lực lượng an ninh cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm lập biên bản vi phạm về việc sử dụng giấy tờ giả mạo và chuyển giao cho cơ quan Công an địa phương giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quyết định này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2005 và thay thế Quyết định số 743/CAAV ngày 19/4/1994 của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam ban hành Quy định về giấy tờ tùy thân đối với hành khách đi tàu bay trên các tuyến bay nội địa của hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Mọi quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

3. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tổ chức triển khai Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong ngành Hàng không dân dụng để thực hiện.

4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG  
VẬN TẢI**

**Đào Đình Bình**

## **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

### **CHỈ THỊ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 52/2004/CT-BNN-KH ngày 21/10/2004 về việc xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2006 - 2010.**

Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 33/2004/CT-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2004 về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; để xây dựng tốt kế hoạch phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn 5 năm tới, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ thị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ quán triệt một số vấn đề sau:

#### **I. YÊU CẦU ĐỐI VỚI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 5 NĂM 2006 - 2010**

Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2006 - 2010 cần đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và toàn diện, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả gắn với hội nhập kinh tế quốc tế. Tăng trưởng kinh tế phải gắn với nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa xã hội cho nông dân, bảo